

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/KDTM-ST  
Ngày 20-3-2018  
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thắm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;
2. Ông Phan Văn Cường.

**- Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 31/2017/TLST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-KDTM ngày 08/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần X; trụ sở: Tầng 8 – Văn phòng số L8-01-11+16 tòa nhà V, 72 Lê Thánh T, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Tầng 1-Tầng 7, Tòa Nhà V, số 229, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông Hồ Văn H, sinh năm 1984; địa chỉ liên hệ: Tầng 1-Tầng 7, Tòa Nhà V, số 229 Đ, phường B, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 5079/2017/EIB/YQ-GĐ ngày 13/10/2017). Có mặt.

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần B; địa chỉ: Km 1877, Quốc lộ H, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1988; địa chỉ: 406 Ung Văn K, Phường X, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 01/2018/GUQ-BT6 ngày 16/01/2018). Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/10/2017 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần X, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Văn H trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần X (gọi tắt là Ngân hàng X) và Công ty Cổ phần B (gọi tắt là công ty B) có thoả thuận ký kết Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2000-LAV-201602442 ngày 22/8/2016 vay số tiền 66.000.000.000 (sáu mươi sáu tỷ) đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký. Lãi suất cho vay: Theo biểu lãi suất công bố của Ngân hàng X tại thời điểm giải ngân. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 01 tháng một lần đối với cho vay VNĐ, 01 tháng một lần đối với cho vay ngoại tệ kể từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực. Lãi suất nợ quá hạn: 150% mức lãi suất nêu trên.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, Ngân hàng X đã giải ngân cho Công ty B vay tổng số tiền 63.397.934.721 đồng theo các hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ như sau:

Số tiền 7.667.231.714 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201610243 ngày 23/08/2016, lịch trả nợ gốc: 23/08/2017, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 1.400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201610244 ngày 23/08/2016, lịch trả nợ gốc: 23/08/2017, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201610692 ngày 31/08/2016, lịch trả nợ gốc: 31/08/2017, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 1.767.663.625 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201615030 ngày 02/12/2016, lịch trả nợ gốc: 02/12/2017, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 7.213.661.186 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201615244 ngày 07/12/2016, lịch trả nợ gốc: 07/12/2017, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 2.444.850.194 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201615602 ngày 14/12/2016, lịch trả nợ gốc: 14/12/2017, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 4.500.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201616022 ngày 23/12/2016, lịch trả nợ gốc: 23/12/2017, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 7.380.107.356 (bảy tỷ ba trăm tám mươi triệu một trăm lẻ bảy ngàn ba trăm năm mươi sáu) đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201616024 ngày 23/12/2016, lịch trả nợ gốc: 23/12/2017, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 10.500.000.000 (mười tỷ năm trăm triệu) đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201700382 ngày 11/01/2017 lịch trả nợ gốc: 11/01/2018, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 5.654.281.390 đồng theo hợp đồng tín dụng kèm khế ước nhận nợ số 2000LDS201700701 ngày 18/01/2017, lịch trả nợ gốc: 18/01/2018, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 7.298.901.625 đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000LDS201700855 ngày 20/01/2017, lịch trả nợ gốc: 20/01/2018, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Số tiền 6.571.237.631 đồng theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000LDS201701028 ngày 24/01/2017, lịch trả nợ gốc: 24/01/2018, lịch trả lãi: hàng tháng vào ngày 25.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, Công ty cổ phần B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi, nợ gốc được quy định trong hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 20/3/2018 tổng số tiền vay mà Công ty B còn nợ theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2000-LAV-201602442 ngày 22/8/2016 bao gồm: nợ gốc là 63.397.934.000 đồng; lãi trong hạn: 3.360.971.067 đồng; lãi quá hạn: 793.779.647 đồng. Như vậy, tổng cộng nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn yêu cầu Công ty B phải trả cho Ngân hàng X là 67.552.685.435 (sáu mươi bảy tỷ năm trăm năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi lăm) đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc với Công ty B yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng Công ty chưa thực hiện được. Nay Ngân hàng X khởi kiện yêu cầu Công ty B phải trả tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 20/3/2017 là 67.552.685.435 (sáu mươi bảy tỷ năm trăm năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó nợ gốc: 63.397.934.721 (sáu mươi ba tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm hai mươi một); lãi trong hạn: 3.360.971.067 (ba tỷ ba trăm sáu mươi triệu chín trăm bảy mươi một ngàn không trăm sáu mươi bảy) đồng; lãi quá hạn: 793.779.647 (bảy trăm chín mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm bốn mươi bảy) đồng. Tiền lãi tiếp tục được tính từ ngày 21/3/2018 theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi Công ty B thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Tại bản tự khai ngày 16/01/2018 và lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn Công ty cổ phần Beton 6 do bà Nguyễn Thị N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty Cổ phần B ghi nhận đã ký hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-201602442 số tiền 66.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng X phải trả số tiền 65.875.347.215 đồng bao gồm nợ gốc, lãi vay và lãi quá hạn thì Công ty Cổ phần B đồng ý trả số nợ theo các phương án trả nợ như sau:

+ Phương án 1: Đề nghị Ngân TMCP X giảm lãi xuất trong hạn và quá hạn cho Công ty Cổ phần B;

+ Phương án 2: Đề nghị Ngân hàng TMCP X hỗ trợ chuyển số nợ trên thành cổ phần của Công ty Cổ phần B;

+ Phương án 3: Đề nghị Ngân hàng TMCP X hỗ trợ cho Công ty Cổ phần B trả số nợ trên trong vòng 2-3 năm hoặc 09 tháng (tính từ tháng 02/2018 đến tháng 10/2018).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng Thương Mại cổ phần X khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần B phải thanh toán tổng nợ gốc và nợ lãi là 67.552.685.435 (sáu mươi bảy tỷ năm trăm năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi lăm) đồng theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2000-LAV-201602442 ngày 22/8/2016. Vì vậy, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2000-LAV-201602442 ngày 22/8/2016 là hợp đồng được giao kết giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng TMCP X với Công ty cổ phần B thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải tôn trọng thực hiện. Hình thức vay của hợp đồng là trả lãi hàng tháng, trả gốc cuối kỳ với thời hạn vay theo từng hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ. Thực hiện theo hợp đồng, Ngân hàng X đã giải ngân cho Công ty B tổng số tiền vay là 63.397.934.721 đồng theo các hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201610243 ngày 23/08/2016 với số tiền 7.667.231 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201610244 ngày 23/08/2016 với số tiền 1.400.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201610692 ngày 31/08/2016 với số tiền 1.000.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201615030 ngày 02/12/2016 với số tiền 1.767.663.625 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000LDS201615244 ngày 07/12/2016 với số tiền 7.213.661.186 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000LDS201615602 ngày 14/12/2016 với số tiền 2.444.850.194 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201616022 ngày 23/12/2016 với số tiền 4.500.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201616024 ngày 23/12/2016 với số tiền 7.380.107.356 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201700382 ngày 11/01/2017 với số tiền 10.500.000.000 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201700701 ngày 18/01/2017 với số tiền 5.654.281.390; theo hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201700855 ngày 20/01/2017 với số tiền 7.298.901.625 đồng; hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201701028 ngày 24/01/2017 với số tiền 6.571.237.631 đồng. Tính đến thời điểm hiện tại số dư nợ gốc mà công ty beton 6 còn nợ Ngân hàng X số tiền 63.397.934.721 (sáu mươi ba tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm hai mươi một) đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, đến nay các khoản nợ đều đã hết hạn thanh toán nhưng công ty B vẫn chưa thanh toán. Về tiền lãi, phía nguyên đơn tính lãi căn cứ trên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, trong các Hợp đồng cũng quy định rõ về lãi trong hạn, lãi quá hạn. Về thời gian tính lãi là kể từ ngày công ty B vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc. Phía Công ty B không có chứng cứ

gì chứng minh mình không vi phạm nghĩa vụ trả lãi và không có ý kiến phản bác số tiền lãi mà nguyên đơn yêu cầu. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về tiền gốc và tiền lãi, buộc công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng X các khoản nợ tính đến ngày 20/3/2018 là 67.552.685.435 đồng, trong đó nợ gốc là 63.397.934.721 đồng; lãi trong hạn: 3.360.971.067 đồng; lãi quá hạn: 793.779.647 đồng.

[4] Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn vắng mặt, tuy nhiên tại bản tự khai ngày 16/01/2018 bà Nguyễn Thị N cũng thống nhất việc trả các khoản nợ cho ngân hàng X, đồng thời đưa ra ba phương án trả nợ, tuy nhiên tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Văn H không đồng ý.

[5] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2018 sẽ tiếp tục được duy trì cho đến thi hành án xong hoặc có quyết định hủy bỏ, thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo điểm C khoản 2 Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Như vậy, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần B phải chịu án phí có giá ngạch được tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng X theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 91 và 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 91, 92, 147, 228, 244, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần X đối với Công ty Cổ phần B.

1.1. Về nghĩa vụ thanh toán nợ: Buộc Công ty Cổ phần B phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X số nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 2000-LAV-201602442 ngày 22/8/2016; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201610243 ngày 23/08/2016; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201610244 ngày 23/08/2016; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201610692 ngày 31/08/2016; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201615030 ngày 02/12/2016; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201615244 ngày 07/12/2016; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201615602 ngày 14/12/2016; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201616022 ngày 23/12/2016; Hợp đồng

tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201616024 ngày 23/12/2016; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000LDS201700382 ngày 11/01/2017; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201700701 ngày 18/01/2017; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201700855 ngày 20/01/2017; Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 2000 LDS201701028 ngày 24/01/2017 tính đến ngày 20 tháng 3 năm 2018 là 67.552.685.435 (sáu mươi bảy tỷ năm trăm năm mươi hai triệu sáu trăm tám mươi lăm ngàn bốn trăm ba mươi lăm) đồng, trong đó bao gồm: nợ gốc 63.397.934.721 (sáu mươi ba tỷ ba trăm chín mươi bảy triệu chín trăm ba mươi bốn ngàn bảy trăm hai mươi một) đồng; nợ lãi trong hạn: 3.360.971.067 (ba tỷ ba trăm sáu mươi triệu chín trăm bảy mươi một ngàn không trăm sáu mươi bảy) đồng; nợ lãi quá hạn: 793.779.647 (bảy trăm chín mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi chín ngàn sáu trăm bốn mươi bảy) đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 21 tháng 3 năm 2018 cho đến khi Công ty Cổ phần B trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nêu trên.

1.2 Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời “Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng của Công ty Cổ phần B” theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2018/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2018 cho đến thi hành án xong hoặc có quyết định hủy bỏ, thay đổi biện pháp khẩn cấp tạm thời khác.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Cổ phần B phải chịu 175.552.685 (một trăm bảy mươi lăm triệu năm trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm tám mươi lăm) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần X 86.006.000 (tám mươi sáu triệu không trăm lẻ sáu ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010295 ngày 08/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS TX. Dĩ An (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: VP, HS (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thắm**









